

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ - ST

Ngày 08 tháng 05 năm 2025

“ V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ái

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị T Hồng – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

2. Ông Trần Quang Chữ - Cán bộ nghỉ hưu

T ký Toà án phiên toà: Ông Dương Mạnh Hùng – T ký Tòa án nhân dân huyện
An Thi, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn
Thị Hào - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 05 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2025 về việc
tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/DSST -
QĐXX ngày 22/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: CT, VD, AT, Hưng Yên

Bị đơn: Anh Lê Xuân K, sinh năm 1990

HKTT: CT, VD, AT, Hưng Yên

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2 đội 14, trại giam Nam Hà

Người có QLNVLQ: Cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 27/11/2013, Lê Phương C,
sinh ngày 09/11/2015 và Lê Thị Uyên T, sinh ngày 30/8/2022

Người đại diện cho các cháu: Chị T – Mẹ đẻ của các cháu

Chị T, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2024 của chị T và các lời khai của chị T, anh K
trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Hoàng Thị T và anh Lê Xuân K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Du, An Thi, Hưng Yên vào năm 2011. Quá trình
chung vợ chồng cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn. Năm 2016, anh K phạm tội và bị Tòa án
nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma
túy. Năm 2018 thì anh K ra trại nhưng sau đó anh K không chịu thay đổi nên năm

2022 khi chị T sinh con được 9 ngày thì anh K lại bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt tù chung thân. Hiện anh K đang phải chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Thời gian anh K chấp hành án thỉnh thoảng chị T vẫn vào thăm nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước và cũng trao đổi thẳng thắn với anh K về vấn đề ly hôn và anh K cũng nhất trí ly hôn.

Quan điểm của anh K: Anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2022 anh bị Công an thành phố Hà Nội bắt và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mức hình phạt Chung thân, hiện đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. Việc chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn, anh đã biết và nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 03 con chung Lê Hoàng L, sinh năm 2013; Lê Phương C, sinh năm 2015 và Lê Thị Uyên T, sinh năm 2022. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Kiến nhất trí để chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm cháu L trình bày: Cháu là con đẻ của bố K, mẹ T. Hai bố mẹ không ở với nhau từ nhiều năm nay, hiện nay bố cháu đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, cuộc sống của cháu cũng như các em cháu rất tốt. Nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ.

Quan điểm cháu C trình bày: Cháu là con đẻ bố K, mẹ T, cuộc sống của anh chị em cháu hiện nay đều tốt, nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với mẹ.

Xác minh với Ủy ban nhân dân xã Vân Du thể hiện: Tại sổ lưu đăng ký kết hôn ở địa phương thể hiện số 65, quyển số 01/2011 anh Lê Xuân K và chị Hoàng Thị T có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh K có mâu thuẫn gì địa phương không nắm được, tháng 03/2023 anh K bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tù chung thân về tội có liên quan đến ma túy, hiện đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng anh K có 03 con chung tên Lê Hoàng L, sinh năm 2013; Lê Phương C, sinh năm 2015; Lê Thị Uyên T, sinh năm 2022, hiện các con chung đang ở cùng chị T, tại địa phương chị T mở quán cắt tóc, làm đẹp, công việc ổn định còn T nhập cụ thể hàng tháng được bao nhiêu tiền, địa phương không nắm được. Vợ chồng anh K có hay không có tài sản chung, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, chị T, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và T ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS, Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 55, 81,82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận Tận tình ly hôn giữa chị T và anh K

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh K, giao các cháu L, C và cháu T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Do đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chị T và anh K Tận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 1/2 tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc chịu toàn bộ số tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Lê Xuân K. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Lê xuân K có hộ khẩu Thường trú tại thôn Cao Trai, xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] *Về việc kết hôn của chị T, anh K*: Chị T, anh K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2011, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị T, anh K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T*: Qua lời khai của chị T, anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K không có hạnh phúc, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay, chấm dứt mọi quan hệ, chị T đề nghị được ly hôn anh K và anh K cũng nhất trí ly hôn., Điều đó cho thấy cả anh K, chị T đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa anh K, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình có đủ cơ sở để xử công nhận sự Tận tình ly hôn giữa anh K và chị T.

[4] Về con chung: Chị T, anh K có 03 con chung là Lê Hoàng L, sinh năm 2013; Lê Phương C, sinh năm 2015 và Lê Thị Uyên T, sinh năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, anh K đồng ý. Nguyện vọng của chị T là chính đáng, thể hiện được tình cảm cũng như trách nhiệm của người mẹ đối với các con chưa thành niên, hiện nay bản thân anh K đang phải chấp hành mức án tù chung thân về tội có liên quan đến ma túy tại trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng một trong các con chung là không thể, trong khi đó chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, đảm bảo được cuộc sống cũng như sự phát triển bình Tờng cho các con chung, bản thân chị T có công việc và T nhập ổn định, hơn nữa cháu L, cháu C đã đủ 7 tuổi đều có nguyện vọng ở với chị T, còn cháu T còn nhỏ nên chưa lấy được lời khai. Vì vậy cần thiết giao cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T, anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS;
- Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận Tận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lê Xuân K.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Lê Hoàng L, sinh ngày 27/11/2013, Lê Phương C, sinh ngày 09/11/2015 và Lê Thị Uyên T, sinh ngày 30/8/2022 đến tuổi thành niên. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai T số 0001469 ngày

03 tháng 4 năm 2025 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị T 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Du;
- C cục thi hành án dân sự huyện;
- ;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái